

CHÍNH SÁCH QUÂN ĐIỀN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX MỘT CÁCH TIẾP CẬN VÀ SUY NGẪM

CÁI THỊ THÙY GIANG
Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Bình

Vấn đề ruộng đất và kinh tế nông nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng, nhất là đối với những quốc gia nông nghiệp như nước ta. Trên nền của phương thức sản xuất châu Á, cùng với quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Trung ương tập quyền, ruộng đất công làng xã ngày càng bị tấn công mạnh mẽ trước tình trạng tư hữu hóa ruộng đất. Song với chủ trương an dân, bảo đảm quốc kế an sinh của một quốc gia “dĩ nông vi bản”, các nhà nước phong kiến Việt Nam đều có những nỗ lực nhất định trong việc duy trì và bảo vệ ruộng đất công làng xã.

Thành lập vào đầu thế kỷ XIX, khi tình trạng bao chiếm ruộng đất ngày càng phát triển, nông dân mất ruộng đất dẫn đến phiêu tán ngày càng nhiều, phong trào nông dân khởi nghĩa bùng nổ mạnh mẽ khắp cả nước. Yêu cầu phục hồi kinh tế, phục hồi nông nghiệp và ổn định đời sống cho nhân dân trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh đó, các vị vua triều Nguyễn đã thi hành nhiều chính sách về nông nghiệp nói chung và ruộng đất nói riêng để nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống cho nhân dân như khai hoang mở rộng đất đai, ban cấp ruộng đất... Đặc biệt, nhà Nguyễn tỏ thái độ nhất quán trong việc duy trì, bảo vệ và mở rộng ruộng đất công làng xã. Trong nỗ lực duy trì và bảo vệ ruộng đất công làng xã đó, nhà Nguyễn đã quay về với chính sách quân điền thời Lê sơ (thế kỷ XV) và thời Vĩnh Thịnh (1711). Được đặt ra từ thời Gia Long, chính sách quân điền được Minh Mạng kế thừa và phát triển; rồi Thiệu Trị, Tự Đức tiếp tục duy trì, trong đó nổi bật nhất là phép quân điền thời Gia Long và Minh Mạng. Chính sách quân điền đã có những ảnh

hưởng nhất định đối với đời sống nhân dân và xã hội lúc bấy giờ. Tuy nhiên, những giải pháp quân điền đó liệu có đáp ứng những yêu cầu bức thiết của xã hội đặt trong trong nửa đầu thế kỷ XIX đặt ra hay không?

Hãy phân tích và xem xét tổng thể về chính sách quân điền của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX để có lời giải cho câu hỏi trên đây:

Xét về quy mô, phạm vi thực hiện phép quân điền:

Chính sách quân điền thời Gia Long trên thực tế chỉ thực hiện ở Bắc Bộ và Trung Bộ, còn ở Nam Bộ hầu như không chịu sự chi phối của chính sách này. Thừa Thiên Huế nơi có kinh đô Phú Xuân của triều Nguyễn, với số lượng ruộng công lớn nên việc quân cấp ruộng đất thời Gia Long tiến hành thuận lợi và có tác dụng đáng kể. Các làng xã tuân thủ việc chia ruộng đất theo quy định của triều đình, hầu hết mọi người dân trong làng đều có ruộng đất để cày cấy. Nhìn chung, số lượng ruộng đất công làng xã ở Trung Bộ, đặc biệt ở Bắc Bộ còn lại không được bao nhiêu. Mặt khác lại phân bố không đều giữa các vùng, việc chia ruộng đất vẫn do các chức sắc làng xã tiến hành nên không tránh khỏi nạn chiếm công vi tư, dân nghèo không có ruộng sẽ vẫn tồn tại phổ biến. Do vậy, những biện pháp quân điền thời Gia Long không mấy hiệu quả. Đến cuối đời Gia Long, bắt lực với chính sách quân điền ngày càng rõ nét: “*Đời xưa chia ruộng và định sản nghiệp, việc ấy xem ra như hay. Nhưng nghĩ bọn du thủ du thực dẫu trao ruộng cho ắt cũng không chịu siêng năng làm việc, rồi cũng chuyển bán cho người khác. Nay muốn ngăn cấm việc hiến đình mà lấy ra để chia đều, chỉ thêm*

hiều dân mà thôi. Trăm nghìn kỹ, rớt cuộc cũng không làm được”.

Tiếp tục phép quân điền, Minh Mạng đã có những hành động mạnh mẽ và triệt để hơn Gia Long, đó là thực hiện chính sách này trong cả nước. Nổi bật là việc thí điểm chủ trương quân bình mới ở Bình Định. Ông đã thực hiện biện pháp mạnh là tịch thu ruộng đất tư một nửa sung công, sau đó tiến hành chia ruộng đất cho các hạng dân, binh.

Hệ quả của cuộc thí điểm này đã làm thay đổi cơ bản cơ cấu các loại hình sở hữu ruộng đất ở Bình Định. Tỷ lệ ruộng công sau quân điền tăng lên đáng kể, chiếm tỷ lệ xấp xỉ ruộng tư trên bình diện chung toàn tỉnh cũng như trong từng thôn ấp. Nhờ vậy đã góp phần tăng cường và mở rộng ruộng đất công làng xã, củng cố quyền sở hữu tối cao của nhà nước về ruộng đất.

Xét về mặt thuế khoá của nhà nước trong chính sách quân điền nửa đầu thế kỷ XIX:

Vào thời điểm đó, thuế ruộng công và ruộng tư ngang nhau nên có tăng thêm ruộng công thì thuế tăng cũng không tăng lên được. Trong khi đó, thuế quân điền cao hơn công tư điền nên khi chuyển quân điền thành công điền thì tổng thuế ruộng đất thu được thấp hơn trước. Tuy nhiên, thuế thân lại có sự thay đổi. Từ năm 1832, Minh Mạng đã đổi định lệ thuế thân cho dân các hạt từ Quảng Bình trở vào Nam, không phân biệt khách hộ và chính hộ như trước mà tất cả gọi là tráng hạng. Theo lệ thuế đó, “*các hạng quan, dân, cô - cùng đều làm tráng hạng. Tráng hạng có ruộng công thì mỗi năm nộp thuế 1 quan, 4 tiền. Không có ruộng công, 1 quan 2 tiền. Tiền lúc đầu mỗi hạng đều 1 tiền. Dân đình già ốm thu 1 nửa. Quan viên tử cũng như tráng hạng*”. Theo đó, người nhận công điền cày cấy phải đóng thuế đình cao hơn người không cày ruộng công. Việc quân điền quân cấp cho mọi người thì tất nhiên thuế đình sẽ tăng lên. Điều này đã được phản ánh trong Đại Nam thực lục: “*Nói về đại lược so ra thì thuế điền ít đi, thuế đình nhiều ra. Vì từ trước đến giờ, các tỉnh trở vào Nam, mức thuế công điền ngang bằng thuế ruộng tư, duy có thuế ruộng Nhà nước (quan điền) thì cao hơn thuế ruộng công. Nay ruộng nhà nước đã*

chuyển làm ruộng công thì ngạch ruộng công tuy có tăng lên, nhưng số thuế thu nhập lại thấp đi. Dân xã sở tại trước kia người có ruộng công nay đã đem ruộng công quân cấp, thì dân trong sở ai cũng có ruộng. Cho nên có giảm bớt số thuế ruộng nhà nước, nhưng số thuế dân đình lại tăng lên”. Tuy nhiên, nguồn lợi này không phải là mong muốn của Minh Mạng khi áp dụng chế độ quân điền ở Bình Định “*phép quân điền là vốn muốn chia lợi cho dân chứ thuế hơn hay kém đi không phải là điều đáng so tính*”. Và trên thực tế “*ích cho nước không được mấy*” như lời nhận xét của Tự Đức năm 1852.

Xét về quyền lợi của các tầng lớp nhân dân trong chính sách quân điền dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX:

Trong chính sách quân điền thời Gia Long, quan lại vẫn là đối tượng được ưu đãi hơn cả (họ được nhận khẩu phần từ 8 - 12 phần); rồi tới binh lính (khẩu phần từ 7 - 9); dân đình chỉ được 6 phần rưỡi, các đối tượng chính sách xã hội vẫn được chú ý (dân đình già ốm 5 phần, lão nhiều, cô cùng, tiểu nhiều, nhiều tật, tàn phế 4 phần, trẻ mồ côi, đàn bà goá 3 phần). Tuy nhiên, các bậc thang phân cấp khẩu phần công điền không xa nhau mấy. Cô nhi quả phụ được nhận ruộng khẩu phần bằng 1/5 ruộng của thượng thư cao cấp, 1/4 của tri huyện, 1/2 của dân thực nạp. Dân đình thực nạp chiếm số đông nhất được nhận khẩu phần bằng 1/3 của quan đầu triều, 1/2 của tri huyện. Phép chia công điền như trên xem ra “*hợp lý và công bình, cốt cho ai cũng có phương tiện sinh sống*”.

Về sau, Minh Mạng rút nhiều khẩu phần của quan lại, binh lính xuống bằng khẩu phần của dân đình, lão nhiều, lão hạng, phế tật một nửa, cô nhi quả phụ, được một phần ba. Song cách chia ruộng theo quân điền năm 1840 vẫn có lợi nhất với binh lính của triều đình và một số ít những người dân nghèo không có ruộng tư. Đặc biệt, ở Bình Định với việc sung công một nửa ruộng tư, những người dân nghèo càng có lợi hơn. Trong khi đó, chủ sở hữu nhỏ tuy bị cắt 50% ruộng đất nhưng bù lại được tăng thêm ruộng công khẩu phần.

Đối tượng thiệt thòi nhất là sở hữu trung và lớn, đặc biệt là những chủ sở hữu lớn. Ở Bình

Định, ruộng đất đa số thuộc sở hữu lớn. Theo báo cáo của Lãnh tổng đốc Bình - Phú Vũ Xuân Cẩn thì ruộng tư ở đây bị hào phú chiếm cả, có đến 100 - 200 mẫu mà người nghèo không có một thước đất, suốt đời làm tô tở. Bị tấn công, giai cấp địa chủ đã phản ứng gay gắt. Ngay khi công việc hoàn thành, triều đình đã nhận được nhiều đơn khiếu nại thể hiện sự bất bình trước quyết định của nhà nước. Không cưỡng lại sức ép của chính quyền Trung ương, địa chủ đã lợi dụng chỗ yếu của nhà nước vốn không kiểm soát chặt chẽ các làng xã, lũng đoạn việc chia ruộng. Điều này gây bất bình trong nhân dân. Đến tháng 2/1841, có đến 300 đơn kiện gửi về triều đình. Trước tình hình này, các ông vua triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX đều tỏ ra bất lực trước những giải pháp về ruộng đất công xã. Chính sách quân điền kết cục không mang lại hiệu quả mà vấp phải sự phản ứng gay gắt của địa chủ.

Thất bại ở Bình Định buộc nhà Nguyễn phải xem xét lại biện pháp của mình. Chính vì vậy ở Nam Kỳ, Minh Mệnh chủ trương thuyết phục địa chủ nhượng ruộng tư làm ruộng công. Song số ruộng được nhượng đó quá nhỏ bé cũng không giải quyết được vấn đề gì trong chính sách quân điền.

Từ sự phân tích trên đây chúng ta có thể thấy rằng:

Chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn không xuất phát từ yêu cầu sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu nhằm gia cố bộ đỡ kinh tế cho một nhà nước tập quyền chuyên chế lấy nông nghiệp làm nền tảng. Với mục đích đó, nhà Nguyễn đã cố gắng duy trì, bảo vệ và mở rộng ruộng đất công; đồng thời can thiệp vào ruộng đất tư bằng cách dùng sức ép hành chính can thiệp (như ở Bình Định) lẫn biện pháp ôn hoà, kêu gọi sự “tự nguyện” (như ở Nam Bộ). Nhưng kết quả của những việc làm này lại chứng tỏ rằng, tư tưởng phục hồi ruộng công đã trở nên không thực tế và tham vọng củng cố quyền lực của nhà nước đối với ruộng đất bằng biện pháp chuyên chế truyền thống đến lúc này không thể thực hiện được. Sự kiện Bình Định là sự thất bại của triều Nguyễn, khẳng định tư tưởng phục hồi ruộng đất công, chế độ sở hữu công cộng, một hình thái sở hữu đến lúc này đã trở nên lỗi thời và cản

trở sự phát triển của kinh tế nông nghiệp nói riêng và quá trình tiến hoá của lịch sử nói chung.

Phép quân điền là một hiện tượng độc đáo của Việt Nam trong suốt quá trình diễn biến chế độ sở hữu ruộng đất ở nước ta. Thời Lê Sơ, Lê Thánh Tông đã thi hành phép quân điền (thế kỷ XV). Thời Vĩnh Thịnh - Chúa Trịnh (1711), lệnh sửa chữa và bổ sung phép quân điền cũ thời Hồng Đức, ban hành lại sau khi đã cử người đi đo đạc lại ruộng đất, làm sổ “tu tri” ở các xã. Đến nửa đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn lại tiếp tục thực hiện phép quân điền. Đó là phép quân điền của Gia Long (1804) và quân điền của Minh Mạng (1839 - 1840).

Nét chung của tất cả các lần quân điền đó là áp dụng trên phạm vi cả nước trong việc quân cấp ruộng đất công làng xã cho quan lại, binh lính và xã dân theo khẩu phần, tuy khẩu phần cụ thể mỗi lần quân điền có khác nhau.

Đến nửa đầu thế kỷ XIX, dưới triều Nguyễn, do tính chất sở hữu ruộng đất thời kỳ này phức tạp, xu hướng tư hữu hoá ruộng đất phổ biến và phát triển mạnh mẽ, trong khi đó ruộng đất công làng xã thu hẹp. Hơn nữa, tỉ lệ giữa ruộng đất công và tư không đồng đều ở các vùng, miền, có khi ngay trong tỉnh, huyện cũng khác nhau. Do vậy, chính sách quân điền mang những nét khác biệt so với các thời kỳ trước.

Thứ nhất, về quy mô áp dụng của chính sách quân điền ở nửa đầu thế kỷ XIX của triều Nguyễn là không đồng đều trên phạm vi cả nước. Quân điền thời Gia Long thực tế chỉ tiến hành ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Nam Bộ hầu như không thực hiện được, mặc dù chủ trương quân điền ở phạm vi cả nước. Đến thời Minh Mạng, quân điền cũng chủ yếu áp dụng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; còn Nam Bộ và Nam Trung Bộ lại hạn chế do tỉ lệ ruộng đất công quá ít. Những biện pháp thuyết phục yêu cầu tinh thần tự nguyện nộp ruộng sung công ở Nam Bộ cũng như áp đặt, bắt buộc vấn đề này ở Bình Định kết cục cũng không cải thiện tình hình ruộng công làng xã.

Thứ hai, chính sách quân điền nửa đầu thế kỷ XIX dưới triều Nguyễn không được tiến hành triệt để và không được sự giám sát chặt chẽ của chính

quyền Trung ương, nên hiệu lực thực thi của chính sách vẫn còn nhiều hạn chế. Trên cơ sở chủ trương quân bình, nhà nước giao cho các làng xã tự định đoạt cách chia ruộng đất, ruộng làng nào chia cho dân làng ấy. Nếu làng nào ruộng công không có thì việc phân cấp ruộng đất hầu như không thực hiện được. Mặt khác bọn cường hào, sắc mục địa phương lợi dụng quyền lực mà tự tiện phân cấp ruộng đất, chiếm đoạt những vùng đất, thửa ruộng tốt. Nếu so với chính sách quân điền thời Hồng Đức, chúng ta thấy rõ sự thiếu công bằng trong quân điền thời Nguyễn. Ở trong chính sách quân điền thời Lê Thánh Tông quy định, ở xã nào ruộng nhiều dân ít thì phải chia cho dân xã khác cày cấy. Như vậy mới đảm bảo sự bình quân ruộng đất giữa các làng xã và cũng như cho mọi người dân trong cả nước.

Thứ ba, nét nổi bật trong chính sách quân điền triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX thể hiện ở sự thí điểm phép quân điền năm 1839 ở Bình Định. Ngoài việc quân cấp ruộng đất công làng xã như những lần quân điền khác, nhà nước đã trực tiếp can thiệp vào quyền sở hữu ruộng đất bằng cách sung công một nửa ruộng tư ở tất cả các thôn ấp ở Bình Định, ở những nơi có tư điền nhiều hơn công điền. Hay ở Nam Bộ, nhà Nguyễn cũng khuyến khích các địa chủ nộp ruộng tư sung công, song trên tinh thần tự nguyện. Tham vọng của triều Nguyễn là mở rộng ruộng đất công làng xã; đồng thời ngăn chặn quá trình tư hữu hoá ruộng đất, khuynh hướng phát triển mạnh mẽ vào đầu thế kỉ XIX (trên cơ sở đó mà kích thích kinh tế hàng hoá phát triển). Điều này sẽ cản trở sự phát triển khách quan của kinh tế nông nghiệp nói riêng cũng như sự phát triển của xu thế lịch sử nói chung. Từ những chủ trương riêng lẻ, thí điểm từng tỉnh, từng

vùng trên đây cũng cho thấy sự thiếu nhất quán và đồng bộ trong việc hoạch định những chính sách về ruộng đất của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX. Vì vậy, khi những vấn đề mới nảy sinh, triều Nguyễn không kiểm soát được tình hình, kết cục đành bất lực trước những giải pháp của chính mình.

Tuy nhiên, chính sách quân điền thời Nguyễn vẫn có tác dụng ở một số vùng, một số địa phương, nơi có ruộng đất công nhiều. Tiêu biểu là ở Thừa Thiên Huế, ruộng đất đã giúp cho dân nghèo giải quyết phần nào khó khăn và giảm bớt phần nào tình trạng nhân dân xiêu tán.

Trong xu thế những mầm móng kinh tế hàng hoá đã bắt đầu nảy sinh trong kinh tế Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX, những chủ trương và giải pháp quân điền thời Nguyễn không nhằm kích thích nông nghiệp - nền tảng kinh tế - xã hội của một quốc gia “dĩ nông vi bản” phát triển, mà trở thành tác nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế nông nghiệp nói riêng và sự phát triển của lịch sử nói chung. Đồng thời với những biện pháp không nhất quán và thiếu đồng bộ, chính sách quân điền thời Nguyễn còn tạo ra sự chống đối của các tầng lớp địa chủ và sự bất bình trong nhân dân do sự ban cấp ruộng đất không đồng đều. Nạn bao chiếm ruộng đất công làng xã, quá trình tư hữu hoá ruộng đất tiếp tục phát triển, đời sống nông dân nghèo cũng không được cải thiện. Kết cục nhà Nguyễn cũng đành bất lực trước chính sách quân điền, để mặc cho kinh tế nông nghiệp suy sụp, công thương nghiệp bị kìm hãm, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân diễn ra liên tục, tiềm lực quốc gia kiệt quệ, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc thực dân Pháp xâm chiếm nước ta nửa sau thế kỉ XIX.

C.T.T.G

Tài liệu tham khảo:

1. Thái Quang Trung, “Vài nét về tình hình ruộng đất công ở Thừa Thiên - Huế nửa đầu thế kỷ XIX”, Nghiên cứu lịch sử, số 1, 2001.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục chính biên, NXB.Khoa học, Hà Nội
3. Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Bình Định I, NXB. TP Hồ Chí Minh, 1996.